

CON NGƯỜI BẮT TỬ

Thiền viện Chân Không - 1982

Hôm nay nhân ngày tôi ra thất, quý vị đại diện Tăng Ni yêu cầu tôi chỉ cho những điều cốt yếu để ứng dụng tu hành. Tôi hoan hỷ tùy thuận. Thật ra hơn ba tháng qua, ở trong thất chúng tôi chưa được gì đặc biệt lắm, nhưng đại chúng yêu cầu, tôi cũng nói một vài cảm niệm của mình trong khi nhập thất.

Ở trong thất, một hôm tôi có cảm niệm xót thương. Xót thương ai? Một là xót thương tôi. Bởi trên đường tu đã hai phần ba cuộc đời rồi, tôi mới nhận ra nơi mình có con người bắt tử, tức ngay nơi thân sanh tử này có con người không sanh tử. Khi nhận được như vậy, tôi có tật xấu hay khoe nên rồi cứ khoe với người này người nọ, gặp ai cũng khoe rằng ngay nơi thân sanh tử có con người bắt tử. Khoe mãi không chán, cho đến gần đây nhờ nhân duyên bệnh, tôi mới được ngồi yên chuyên nhập con người bắt tử ấy. Bấy giờ nhìn lại thì tuổi thọ đã cao. Vì vậy thời gian còn lại quá ít, dù nỗ lực chuyên ròng nhập con người bắt tử cho đến ngày nhắm mắt cũng chưa xong. Tại sao? Bởi vì muốn nhập con người bắt tử, trước hết chúng ta phải rũ sạch duyên sanh tử, mà duyên sanh tử bao bọc muôn vòng ngàn lớp, muốn rũ sạch nó không phải là chuyện dễ dàng. Chúng ta phải hằng tinh hằng giác với thời gian dài lâu mới có thể rũ sạch được.

Thiền sư Triệu Châu sau khi ngộ nơi Tổ Nam Tuyền còn phải ba mươi năm ở trong tông lâm mới thành một khối. Thiền sư Đại An ngộ nơi Tổ Bá Trượng, sau này về núi Quy chấn trâu trong ba mươi năm, từ con trâu đen trở thành con trâu trắng sờ sờ trước mặt đười đười cũng không đi. Như vậy, các Thiền sư đều đã ngộ rồi, còn phải qua ba mươi năm mới thành một khối hoặc trâu đen mới thành trâu trắng. Đối với chúng ta bây giờ, như tôi chẳng hạn không đủ điều kiện đó nữa.

Ví như có gã phiêu linh lã tử cùng một số bạn bè từ thuở thiếu thời cất bước phiêu lưu, chàng ta đi lang thang tha phương viễn xứ, mãi cho tới tuổi sắp già. Một hôm bỗng nhớ lại cố hương, lòng yêu quê thôi thúc, anh nhất định tìm về. Nhưng bấy giờ đường về đã quên mất, nên anh cứ loanh quanh, luẩn quẩn mãi. Trải qua nhiều năm như vậy, bỗng dưng một hôm anh tìm được lối cũ, rõ ràng không nghi ngờ. Nhưng anh vẫn chưa về được, vì nhớ lại bạn bè đang lưu lạc khắp nơi. Anh phải đi tìm họ để rủ nhau cùng về. Khi rủ được một số bạn bè đồng chí đồng nguyện, anh bắt đầu cất bước lên đường trở về thì sức đã kiệt, hơi đã tàn. Trên đường về, cố gắng lắm anh cũng chỉ có thể đi chừng một phần ba hoặc một phần tư đoạn đường thôi sẽ ngã quy. Chàng lã tử kia chết trên đường về chớ chưa tới nhà, như vậy có đáng xót thương

không? Cũng thế, trên đường tu cho tới ngày nhắm mắt, tôi biết mình chưa viên mãn bản nguyện, cho nên tôi xót thương tôi.

Hai là tôi xót thương cho bạn bè tôi. Những ai đã nghe tôi nhắc về con người bắt tử, hoặc tin trọn vẹn hoặc tin hai phần ba, họ quyết chí nhận cho ra con người bắt tử ấy, nhưng lại gặp khó khăn, rắc rối trong lúc tu hành. Nếu không được thiện tri thức phụ giúp, tháo gỡ những gút mắc, có lẽ trên đường tu nhiều chướng ngại, đôi khi họ phải thoái tâm và không đi trọn con đường, cho nên tôi thương xót họ.

Ba là xót thương những người trên đường tu nửa tin, nửa ngờ về con người bắt tử. Với những vị này nếu có thầy lành bạn tốt, thiện hữu tri thức hằng nhắc nhở thì tiến, ngược lại buông xuôi thì lùi. Với những người này nếu để mặc tình ra sao thì ra, chắc rằng đường tu khó tiến, nên tôi xót thương họ.

Bốn là xót thương những người rất nhiệt tình khi nghe đến con người bắt tử. Họ muốn làm sao nhận cho ra, sống cho được nhưng không có ai hướng dẫn, chỉ bảo. Họ phải nhọc nhằn leo núi này, trèo non nọ để tìm thiện tri thức, nhưng tìm tới nơi rồi họ cũng thấy bất mãn, không được như ý. Những người nhiệt tình như thế nếu nông nổi sẽ dễ đi lạc vào đường tà. Còn người chín chắn, cẩn thận nhưng lâu ngày không tìm kiếm được thiện tri thức, họ cũng chùn chân thối bước, cho nên thật đáng xót thương.

Năm là xót thương những ai có con người bắt tử ngay trong thân sanh tử mà không bao giờ nghĩ, không bao giờ đoái hoài đến. Suốt ngày hay suốt đời, họ hài lòng với thân sanh tử này. Hạng người này chẳng khác nào như kẻ có hòn ngọc quý trong túi mà cam đành sống kiếp lang thang đói nghèo, lại rất hài lòng như vậy. Vì vậy tôi xót thương họ.

Đó là những cảm niệm xót thương của tôi trong thời gian nhập thất.

Như trước tôi đã nói về con người bắt tử. Đến đây tôi muốn nêu lên ba điểm xung quanh vấn đề này. Điểm thứ nhất là con người bắt tử. Điểm thứ hai là nhận ra con người bắt tử. Điểm thứ ba là nhập con người bắt tử. Ba điểm đó chính là điều tôi muốn nói với quý vị hôm nay.

Thế nào là con người bắt tử? Nhận ra con người bắt tử có lợi ích gì và làm sao nhập được con người bắt tử? Đó là ba điểm thật hệ trọng đối với người tu chúng ta. Ở đây, điểm thứ nhất và thứ hai tôi giải quyết được, còn điểm thứ ba tôi dẫn chứng qua việc tu hành của các Thiền sư, chớ bản thân chưa làm xong.

Điểm thứ nhất, thế nào là con người bất tử? Trong kinh còn gọi “Con người bất tử” là Pháp thân, Chơn tâm, Niết-bàn v.v... Đó là cái bất tử sẵn nơi chúng ta, nhập được cái đó gọi là Như Lai, là Phật. Đây là tôi tạm định nghĩa trên mặt danh từ. Khi nhận ra được con người bất tử rồi, có lợi ích gì? Quý vị từng tụng kinh Pháp Hoa, phẩm thứ mười sáu Như Lai Thọ Lượng, nói về tuổi thọ của chư Phật. Trong kinh Phật kể tuổi thọ của chư Phật bao nhiêu? Ai có thể chúng được? Phật bảo giả sử như đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi đem mài làm mực. Có người dùng thần thông bay qua trăm ngàn muôn ức thế giới, chấm một hột mực xuống rồi bay qua trăm ngàn muôn ức thế giới khác chấm một hột mực xuống nữa. Như thế mà chấm hết số mực thế giới tam thiên nghiền nát đó, rồi bay qua những thế giới chấm mực và không chấm mực, gom lại một lần nữa, nghiền nát thành bụi. Mỗi hột bụi là một kiếp, thì tuổi thọ của chư Phật còn hơn số bụi đó nữa. Quý vị có thể nghĩ được bao nhiêu không? Bởi bất tử là không chết, không chết nên tuổi thọ không làm sao tính được.

Tại sao tôi không nói theo kinh là Niết-bàn, là vô sanh mà nói “Con người bất tử”? Bởi người thế gian luôn luôn thích sanh sợ tử nên nói bất sanh họ buồn mà nói bất tử người ta chịu. Vì vậy tôi nói con người bất tử, chớ thật ra có sanh mới có tử, còn không sanh thì lấy đâu mà tử? Kinh nói Niết-bàn, vô sanh là chỉ thẳng vào cái nhân. Nhân không có thì quả làm sao có. Như vậy nếu nhận ra được con người bất tử đó là Như Lai, nên nói tuổi thọ Như Lai không thể tính, không thể đếm, không làm sao biết được hết.

Đến phẩm thứ mười bảy là Phân Biệt Công Đức. Phân biệt là so sánh, so sánh công đức của người nhận hiểu về tuổi thọ chư Phật khác với công đức của những người làm việc bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục v.v... Có một đoạn Phật nói, nếu người nào khởi một niệm tin hiểu thọ mạng dài lâu của Như Lai thì công đức người ấy không thể tính lường. Một đoạn khác Phật nói, nếu người thiện nam, người thiện nữ nào đối với thọ mạng của Như Lai tin hiểu, không nghi ngờ; người đó sẽ thấy Phật đang ở núi Kỳ Xà Quật vì các vị Bồ-tát lớn và hàng Thanh văn vây quanh nói pháp.

Như vậy ai đối với thọ mạng dài lâu của Phật tin nhận được, người đó sẽ thấy Phật đang ở hội Linh Sơn. Tại sao? Bởi vì thấy được con người bất tử là thấy Phật. Phật không phải là đức Thích Ca bằng thân xác thịt, mà Phật là Phật pháp thân. Nơi đức Phật Thích-ca có con người bất tử, nơi chúng ta cũng có con người bất tử, nhận ra được như vậy gọi là thấy Phật.

Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A-nan sau khi nghe đức Phật chỉ cho thấy trong thân sanh diệt có cái

không sanh diệt, Ngài liền tỉnh ngộ. Sau khi tỉnh ngộ Ngài làm bài kệ tán thán Phật, đồng thời nói lên chí nguyện của mình. Bốn câu đầu của bài kệ ấy thế này:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn,

Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu.

Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tường,

Bất lịch tăng kỳ hoạch Pháp thân.

Bốn câu đó cho chúng ta thấy khi nhận được con người bất tử rồi được lợi ích gì. Câu đầu Ngài tán thán Phật “Diệu trạm tổng trì bất động tôn”, nghĩa là đức Phật là vị đã đạt được chỗ chánh định, lặng lẽ ở chỗ bất động, đầy đủ vô lượng công đức. Câu thứ hai Ngài tán thán pháp Phật nói là kinh Thủ Lăng Nghiêm, nhờ nghe pháp ấy Ngài tiêu hết các tường điên đảo trong muôn ức kiếp, ngộ được Pháp thân. Tường điên đảo là tường gì? Tường điên đảo là giả mà tường là thật, thật mà tường là không. Bây giờ Ngài mới thấy giả là giả, thật là thật có, chớ không phải không. Rõ ràng khi ngộ được Pháp thân thì các tường điên đảo liền tiêu tan hết.

“Bất lịch tăng kỳ hoạch Pháp thân”, nghĩa là không trải qua vô số kiếp mà được Pháp thân. Tại sao? Bởi vì theo kinh nói người tu Đại thừa trải qua các thứ lớp từ sơ phát tâm đến thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng. Đó là hàng Tam hiền trải qua vô số kiếp thứ nhất. Từ Sơ địa cho đến Bát địa là vô số kiếp thứ hai, từ bát địa cho tới diệu giác là vô số kiếp thứ ba. Như vậy, người tu Đại thừa theo tiệm thứ chứng Sơ địa mới thấy được Pháp thân, nên từ Sơ địa Bồ-tát trở lên phá một phần vô minh, chứng được một phần Pháp thân, gọi là phần giác. Ngài A-nan không cần trải qua vô số kiếp tu thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng mà ngay nơi đây thấy được Pháp thân. Vì vậy nói đốn ngộ, thấy một cách mau chóng không cần thứ lớp.

Khi nhận ra nơi mình có con người bất tử rồi, làm sao nhập được sống được với con người ấy? Cũng trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A-nan bạch với Phật rằng: Như một gã lang thang được nhà vua tặng cho ngôi nhà đẹp, nhưng gã không biết làm sao vô nhà, cúi xin đức Phật chỉ cho cửa vào nhà. Nhân đó Phật bảo hai mươi lăm vị Thánh đệ tử thay nhau trình sở ngộ của mình, để chọn ra căn viên thông làm cửa tiến vào ngôi nhà ấy.

Thế nên biết khi ngộ rồi, có được hòn ngọc báu, có ngôi nhà đẹp nhưng còn phải nhập, tức là biết cách vào nhà nữa. Trong kinh Pháp Hoa nói “Khai thị ngộ nhập” cũng cùng một ý nghĩa này. Ngộ là nhận ra, nhập là vào thẳng bên trong chớ không phải ngộ rồi hải lòng ở ngoài cửa, đây mới là thật sống với

con người bắt tử. Người ngộ rồi bớt được điên đảo nhưng phiền não vi tế vẫn còn. Ba thứ độc si, tham, sân chưa sạch hết, chừng nào nhập được con người bắt tử mới sạch hết phiền não vi tế. Vì vậy người tu muốn nhập tri kiến Phật hay con người bắt tử thì công phu phải rất chín chắn, rất cẩn mật chớ không phải thường.

Làm thế nào để nhập con người bắt tử? Như tôi đã nói, suốt đời mình chưa chắc tôi đã nhập xong, làm sao dám nói chuyện nhập cho quý vị nghe. Nên ở đây tôi chỉ dẫn lại trong kinh những đoạn Phật nói về nhập Pháp thân, tuy chúng ta chưa nhập nhưng biết rõ con đường về nhà như vậy, về sau trong công phu không sợ lầm. Kinh Niết bàn có bài kệ đơn giản thế này:

Chư hành vô thường,

Thị sanh diệt pháp.

Sanh diệt diệt dĩ,

Tịch diệt vi lạc.

Chư hành là các hành nghiệp, tất cả đều vô thường, thuộc pháp sanh diệt. Vọng tưởng của chúng ta có phải là hành nghiệp không? Một niệm dấy lên là hành nghiệp rồi, cho nên vọng tưởng là hành nghiệp. Vì vậy nó thuộc về vô thường, vì dấy niệm là sanh diệt, mà sanh diệt là vô thường. Nếu chúng ta bám vào vô thường thì muôn đời không bao giờ nhập được con người bắt tử. Bởi con người bắt tử là chân thường, bám vào vô thường làm sao nhận được. Vì vậy phải buông, rũ sạch duyên sanh tử vô thường ấy rồi, mới nhập được con người bắt tử. “Sanh diệt diệt dĩ”, chừng nào mầm sanh diệt hết sạch thì tịch diệt hiện tiền. Tịch diệt hiện tiền đó mới là vui, nên nói “Tịch diệt vi lạc”.

Trong kinh Di Đà, Phật nói: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nơn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn; kỳ nơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền”, nghĩa là nếu có người thiện nam hay thiện nữ chuyên trì danh hiệu Phật A Di Đà hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày cho tới bảy ngày nhất tâm bất loạn; người ấy khi lâm chung đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng sẽ hiện ra ở trước tiếp dẫn.

Loạn là gì? Là duyên sanh tử, là niệm, là động. Còn niệm, còn động là còn dấy, còn loạn, còn sanh tử. Nếu nhất tâm là như như bất động, ấy là được con người bắt tử. Trong kinh Niết-bàn gọi Nhất tâm là tịch diệt, tịch diệt là vui. Ở đây nói khi nhất tâm thì

thấy Phật Di Đà và Thánh chúng rước về Cực Lạc rất vui. Rõ ràng muốn đi đến chỗ tịch diệt là phải dứt mầm sanh tử, mới hiện tướng tịch diệt chân thật.

Như vậy cái vui của người tu là thoát ly sanh tử. Tại sao vậy? Vì theo Tứ đế vô thường là khổ, nên còn bị vô thường là còn bị khổ. Do đó tứ khổ, bát khổ... đều căn cứ trên lý vô thường mà nói. Bây giờ muốn hết khổ phải dứt hết mầm sanh diệt, sanh diệt hết rồi thì tịch diệt hiện tiền, đó mới là vui. Cái vui này theo Thiền tông gọi là nhập con người bắt tử.

Chúng ta thấy đức Phật khéo tùy duyên, thuận theo cái hiểu, cái nhận của chúng sanh mà Ngài dùng những phương pháp, những ngôn ngữ khác nhau để độ họ. Chúng ta không hiểu, cứ nghĩ rằng tu theo pháp môn này được Phật rước, hưởng sự vui thích tùy ý, còn nói sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui thì thấy buồn quá. Bởi tịch diệt là vắng lặng làm sao vui được. Đó là do chúng ta mê mờ chưa hiểu thôi, chớ Phật dạy cứu kính không hai, không khác. Như vậy để thấy rằng người tu nếu muốn nhập con người bắt tử thì phải dứt mầm sanh diệt mới nhập được.

Trở lại kinh Lăng Nghiêm, phần Phật hỏi các vị Thánh đệ tử về cách chọn căn viên thông. Bồ-tát Quán Thế Âm kể lại hạnh tu của Ngài cho đức Phật và đại chúng nghe thế này: “Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký tịch, động tịnh nhị tướng, liễu nhiên bất sanh. Như thị tiệm tăng, văn sở văn tận, tận văn bất trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền. Hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, thập phương viên minh, đắc nhị thù thắng. Nhất giả thượng hợp thập phương chư Phật bản diệu giác tâm, dữ Phật Như Lai đồng nhất từ lực. Nhị giả hạ hợp thập phương nhất thiết lục đạo chúng sanh, dữ chư chúng sanh đồng nhất bi nguyện”.

Nghĩa là ban đầu ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông, không còn tướng sở văn nữa. Chỗ nhập đã sâu, đã lặng lẽ thì hai tướng động tịnh không còn, không sanh. Cứ thế lần lần tiến lên, các tướng năng văn, sở văn đều hết tức cái hay nghe và bị nghe đều hết. Cái hay nghe, bị nghe hết rồi, không dừng ở đó phải tiến lên giác sở giác không, tức năng giác và sở giác cũng lặng. Năng giác và sở giác lặng rồi, không giác viên mãn tức cái năng không và sở không cũng diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên vượt ngoài thế gian và xuất thế gian, sáng suốt cùng khắp mười phương, được hai thứ thù thắng: Một là trên hợp với tâm diệu giác sẵn có của mười phương chư Phật, tức mình và Phật đồng một tâm, đồng một từ lực. Hai là dưới hợp với tất cả chúng sanh trong sáu đường

mười phương, cùng với chúng sanh một lòng bi
ngưỡng.

Chúng ta thấy rõ tới chỗ cứu kính sanh diệt hết rồi, tịch diệt hiện tiền, không phải hết mà chừng đó thấy mình siêu xuất thế gian và xuất thế gian. Bấy giờ trên hợp với chư Phật, đồng một lòng từ, dưới hợp với chúng sanh, đồng một lòng bi. Có lòng từ nên muốn ban vui cho tất cả chúng sanh, có lòng bi nên muốn nhổ hết gốc khổ của chúng sanh. Đó là công hạnh của Bồ-tát Quan Thế Âm.

Công hạnh này chúng ta có thể đối chiếu với mười mục tranh chắn trâu của người tu Thiền. Trong nhà thiền có vẽ mười mục chắn trâu để hành giả thấy được sự tiến từ thô đến tế của mình. Ngay chỗ “sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở” nghĩa là ở trong tánh nghe, nhập được rồi thì quên các tiếng bên ngoài. Đây dụ như con trâu khi ta đã làm chủ được, nắm mũi dẫn đi thì nó quên cỏ, quên lúa mạ bên ngoài, theo ông chủ xoay trở về. Tới “văn sở văn tận”, tức năng văn và sở văn hết, hai tướng động tịnh chẳng sanh. Đây dụ như con trâu đã thuần thực, người chăn thôi sáo trên cây còn trâu nằm ở trên cỏ, không còn phá phách nữa. Đến chỗ năng sở đều hết là chỉ cho không còn trâu, chỉ còn người chăn. Tới “năng giác sở giác không” thì người chăn cũng mất luôn. Rồi “không sở không diệt” là tới vòng tròn, qua được không và sở không rồi mới tịch diệt hiện tiền. Tịch diệt hiện tiền rồi, lúc đó mới qua bức tranh thứ chín là lá rụng về cội, chim bay về tổ, nghĩa là trên hợp với tâm diệu giác của chư Phật. Đến bức tranh thứ mười thông tay vào chợ, tay xách con cá chép tay cầm bầu rượu, nghĩa là dưới hợp với tất cả chúng sanh trong lục đạo đồng lòng bi ngưỡng.

Trong nhà thiền thường nói “ông mới vào Phật giới mà chưa vào Ma giới”. Phật giới là chỗ hợp với mười phương chư Phật, ma giới là chỗ hợp với tất cả chúng sanh. Để thấy người tu muốn đến nơi đến chốn thì phải trải qua các quá trình như vậy, chứ không phải đơn giản.

Ngày nay có một số người nghe hiểu sơ sài rồi cho rằng cái hiểu của mình đã tốt, mặc tình uống trà, ngâm thơ, đó là bệnh chẳng phải là thiền. Tu hành như thế trọn đời cùng kiếp cũng chẳng tới đâu hết, sanh tử cũng vẫn còn nguyên, hưởng là những người chưa biết gì.

Tóm lại có mấy điểm then chốt chúng ta cần nhớ. Điểm thứ nhất nghiêng về Tăng Ni, nếu chúng ta tu chưa ngộ đạo, chưa sáng đạo thì phải nhiệt tâm, tinh tấn tu hành, đem hết sức mình miệt mài nghiên giảng giáo lý, làm sao phát minh cho được việc lớn. Nếu phát minh được rồi cũng đừng hài lòng ngang đó, mà phải nỗ lực hằng tinh, hằng giác để nhập

con người bất tử. Có thể chúng ta mới khả dĩ thoát ly sanh tử được.

Điểm thứ hai với Phật tử, quý vị cũng nên nhớ tuy rằng chuyện thoát ly sanh tử đối với người tại gia khó thực hiện, nhưng nếu có thiện chí, nỗ lực tiến tu nhận cho ra được nơi mình có con người bất tử, như vậy cũng rất tốt, rất nhiều công đức. Chính Bồ-tát Thường Bất Khinh suốt đời Ngài chỉ làm có một việc là chuyên gieo niềm tin cho mọi người biết nơi mình có con người bất tử. Ngài nói: “Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài đều sẽ thành Phật”. Thành Phật nghĩa là đều sẽ tiến vào chỗ bất tử. Mọi người có niềm tin đó là đã có lợi ích lớn rồi, nếu nhập được nữa thì lợi ích kia vô kể.

Chúng ta đừng tưởng tu tới hết vọng tưởng, ở chỗ yên lặng rồi mình trở thành ngu muội. Chính từ chỗ đó mới siêu xuất thế gian và xuất thế gian, chứ không phải thường. Vì vậy trên đường tu không đơn giản, không bình dị như người ta tưởng, mà phải hết sức nỗ lực, hết sức cố gắng mới được. Nếu chúng ta quyết chí tu, phải vận dụng hết khả năng của mình, nhà Thiền gọi là can đảm tột độ, giết người không nhìn lại, khả dĩ mới tiến. Chúng ta vừa nhắc nhở ai đã sợ họ buồn, liền dòm lại coi mặt mũi làm sao, đừng nói tới giết người không nhìn lại. Cái gì cũng muốn bỏ nhưng bỏ thì tiếc nên ngó đi ngó lại mãi, không bao giờ dám dứt khoát. Bởi không dứt khoát nên không tiến được.

Có thể nói, đường trước của người tu là hoa thơm cỏ lạ nhưng cũng lắm gai góc chứ chẳng phải thường. Chúng ta không đi vào ngõ bí, vào lối cùng mà đi tới chỗ đẹp để vô cùng vô tận. “Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ, liễu ám hoa minh biệt nhất thôn”, nghĩa là ta cứ ngỡ rằng cuối non tận nước không còn con đường nào, ngờ đâu riêng có một thôn toàn là liễu đẹp hoa xinh rực rỡ vô cùng. Khi biết rõ như vậy, chúng ta sẽ hăng hái tiến lên, đạp trên gai góc mà đi, không ngại khó khăn, chẳng sợ sây da rách thịt.

Điểm thứ ba, đã biết rõ mình có con người bất tử rồi, mỗi vị phải ráng nỗ lực, nhưng nỗ lực không có nghĩa là bậm môi, trợn mắt, cả ngày giống như giận ai. Tu hành làm gì mà hung dữ vậy! Nỗ lực ở đây là hằng tinh hằng giác. Lúc nào cũng tỉnh, lúc nào cũng giác khả dĩ chúng ta rũ được các duyên sanh tử, thể nhập con người bất tử.

Đó là những điểm chủ yếu chúng ta cần phải nhớ để ứng dụng tu hành. Trong giai đoạn tu mọi người đều nên tự thấy, tự hiểu, tự cố gắng chứ không mong ai khác thay cho mình được. Đó là lời nhắc nhở của tôi sau một thời gian ngắn nhập thất.

